

Bản án số: 400/2025/HS-ST
Ngày: 29-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Ngọc Anh.

2. Bà Võ Thị Nam.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 429/2025/HSST ngày 29/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3056/2025/QĐXXST-HS, ngày 16/6/2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số 06/HSST/TB ngày 01/7/2025.

Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tại số A đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cầu thành phần: Phòng xử tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H.

Bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh B**; giới tính: nam; sinh năm 1973 tại tỉnh Hòa Bình; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 3 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nguyên là Giám đốc Công ty TNHH Đ; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị T; vợ là bà Trần Thị X (đã ly hôn), vợ sau là bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1988, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2021 và có 01 con, sinh vào năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Nguyễn Quỳnh T2 là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Trọng S, sinh năm 1987; nơi cư trú: A Chung cư H - T, đường G, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

2/ Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1979; nơi cư trú: E đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

3/ Đinh Ngọc T3, sinh năm 1966; nơi cư trú: 1 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

4/ Nguyễn Thê H, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt tại phiên tòa.

5/ Ngô Thị N, sinh năm 1988; nơi cư trú: 2 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt tại phiên tòa.

6/ Lưu Kiến H1, sinh năm 1974; nơi cư trú: P lâu A Chung cư G, số H T, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Ông Vũ Ngọc H2; Cán bộ tổ dẫn giải của Trại tạm giam Chí H3 thuộc Công an Thành phố H; có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ (viết tắt Công ty Đ), có trụ sở tại số F, Đường số A, cư xá C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số thuế 0315644008, do Nguyễn Thanh B là Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Khoảng đầu tháng 6 năm 2020, Nguyễn Thanh B được Lưu Kiến H1 còn có tên là Huỳnh D sử dụng điện thoại có số thuê bao 0913928564 và người có tên Q1 không rõ lai lịch, liên hệ thuê B nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam, với chi phí 140.000.000 đồng/container, chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Sau đó Huỳnh D và Q1 đưa cho B 280.000.000 đồng, kèm theo 02 danh mục hàng hóa để B thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa từ Công ty D1 Co.LTD về Việt Nam, địa điểm nhận hàng tại số A đường T, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Toàn bộ việc trao đổi và thỏa thuận đều thực hiện qua điện thoại, còn việc giao nhận tiền không có phiếu thu hay chứng từ gì thể hiện.

Để hưởng lợi từ việc đóng thuế nhập khẩu ít hơn so với tiền thuế thực tế phải đóng, B tự làm lại bảng kê hàng hóa, khai giảm số lượng hàng hóa thực tế trong container, rồi đưa cho Ngô Thị N là nhân viên Công ty Đ, để N tiến hành

truyền dữ liệu và mở tờ khai hải quan điện tử. Ngày 18/6/2020, Công ty Đ mở tờ khai hải quan nhập khẩu container có số hiệu WHLU5789192 và container số hiệu CAIU9394993, tại Cửa khẩu Cảng S Khu vực IV và được hệ thống VNACCS (Hệ thống thông quan hàng hóa tự động) phân luồng kiểm tra như sau:

- Tờ khai số 0337240002/A11 (Nhập khẩu container số hiệu WHLU5789192) được hệ thống phân luồng 3 (Luồng đỏ, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa là 100%), cán bộ hải quan được phân công kiểm hóa là Nguyễn Trọng S và Đinh Ngọc T3.

- Tờ khai hải quan số 0337279482/A11 (Nhập khẩu container số hiệu CAIU9394993) được hệ thống phân luồng 3, cán bộ hải quan được phân công kiểm hóa là Nguyễn Trọng S và Nguyễn Hoàng K.

Sau khi hàng hóa được kiểm tra và cho thông quan thì Công ty Đ đã thuê xe vận chuyển 02 container trên về kho có địa chỉ tại đường T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Tài xế Võ Minh H4 điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-158.82 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 51R-037.84, chở container mang số hiệu WHLU5789192 còn nguyên niêm phong số T-SEAL 0645168 của Công ty Đ. Tài xế Nguyễn Thanh V điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-745.38 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 51R-034.70, chở container mang số hiệu CAIU9394993 còn nguyên niêm phong số T-SEAL 0645167 của Công ty Đ.

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 19/6/2020, khi Võ Minh H4 đang vận chuyển container mang số hiệu WHLU5789192 đến tại số A đường T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Thành phố H phối hợp với Đội quản lý thị trường S1, thuộc Cục Quản lý thị trường Thành phố H kiểm tra.

Vào lúc 14 giờ 35 phút, ngày 19/6/2020, khi Nguyễn Thanh V đang vận chuyển container mang số hiệu CAIU9394993 đến tại nhà số A đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Thành phố H phối hợp với Đội quản lý thị trường S1, thuộc Cục Quản lý thị trường Thành phố H kiểm tra.

Kết quả kiểm tra như sau:

- Số hàng hóa trong 02 container trên được nhập khẩu theo 02 tờ khai hải quan số 0337240002/A11 và số 0337279482/A11, ngày 18/6/2020.

- Tờ khai số 0337240002/A11 (Nhập khẩu container số hiệu WHLU5789192), khai báo 27 loại hàng hóa được đóng gói trong 772 kiện, với 15.060 đơn vị hàng hóa. Tổng số thuế phải nộp theo tờ khai này là 19.211.291 đồng. *Qua kiểm tra thực tế thì phát hiện có 81 loại hàng hóa, gồm 339.391 đơn vị hàng hóa không khai báo hải quan.*

- Tờ khai hải quan số 0337279482/A11 (Nhập khẩu container số hiệu CAIU9394993), khai báo 13 loại hàng hóa được đóng gói trong 372 kiện, với 7.020 đơn vị hàng. Tổng số thuế phải nộp theo tờ khai này là 18.636.956 đồng.

Qua kiểm tra thực tế thì phát hiện có 45 loại hàng hóa, gồm 137.941 đơn vị hàng hóa, trong đó có 02 máy nghiền đá hiệu HASEGAWA không rõ xuất xứ, đã qua sử dụng, không khai báo hải quan.

- Chiếc xe ô tô đầu kéo 51C-158.82 kéo rơ moóc biển kiểm soát 51R-037.84, do tài xế Võ Minh H4 điều khiển, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần T7 (viết tắt Công ty T7), còn chiếc xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-745.38 kéo rơ moóc biển kiểm soát 51R-034.70 do tài xế Nguyễn Thanh V điều khiển, thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T8 (viết tắt Công ty T8), cả 02 chiếc xe này đều do Công ty Đ thuê để chở hàng hóa. Ông Nguyễn Thanh V và ông Võ Minh H4 được công ty giao xe, còn chi phí nhiên liệu tài xế chịu và các ông tự tìm khách hàng, nhận phí vận chuyển, sau đó chia lại với công ty theo tỷ lệ tài xế 60%, công ty D2. Ông V và ông H4 không biết và không có liên quan đến hàng hóa chứa trong 02 container trên.

Kết quả điều tra, xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H và Chi cục thuế quận B:

Công ty Đ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315644008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03/5/2019, địa chỉ trụ sở tại số F, Đường số A, cư xá C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề kinh doanh chính là Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, do Nguyễn Thanh B làm Giám đốc và đại diện theo pháp luật. Nguyễn Thanh B là người thành lập và điều hành mọi hoạt động của công ty này.

Kết quả điều tra, xác minh tại Trung tâm điều độ Cảng C - Tổng công ty T9:

Container số WHLU5789192 và số CAIU9394993 được bốc dỡ từ tàu hàng cập cảng C, trung chuyển bằng đường bộ về Cảng P để làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa. Cụ thể:

- Đối với container số hiệu WHLU5789192 thì chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51C-11888 vào cảng lúc 7 giờ 42 phút ngày 19/6/2020 và vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 8 giờ 01 phút cùng ngày.

- Đối với container số hiệu CAIU9394993 thì chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51D-11198 vào cảng lúc 9 giờ 11 phút ngày 19/6/2020 và vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 9 giờ 40 phút cùng ngày.

Kết quả điều tra, xác minh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn C2:

Ngày 19/6/2020, hai container trên được vận chuyển và hạ bãi I 3 từ Cảng C, theo tờ khai vận chuyển độc lập số 500246213430 và số 500246209340 của Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện. Cùng thời gian đó, Công ty Đ hoàn tất thủ tục đăng ký cắt seal kiểm hóa và thông quan cho 02 container trên. Sau đó hai container trên được nâng lên xe và kéo ra khỏi Cảng ICD P, cụ thể:

- Đối với container số hiệu WHLU5789192: Chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51C-11888 chở container này vào cảng lúc 8 giờ 35 phút ngày 19/6/2020 và

chiếc xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-15882 do tài xế Võ Minh H4 điều khiển vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 11 giờ 17 phút cùng ngày. *(Thời gian vào và ra là 02 giờ 42 phút)*

- Đối với container số hiệu CAIU9394993: Chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51D-11198 chở container này vào cảng lúc 10 giờ 18 phút ngày 19/6/2020 và chiếc xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-74538 do tài xế Nguyễn Thanh V điều khiển, vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 12 giờ 41 phút cùng ngày. *(Thời gian vào và ra là 02 giờ 23 phút)*

Kết quả điều tra, xác minh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C3 Khu vực IV:

- Container số hiệu WHLU5789192 theo tờ khai số 103372400020, phân công cán bộ Hải quan kiểm hóa gồm ông Nguyễn Trọng S và ông Đinh Ngọc T3 vào ngày 18/6/2020, được hệ thống VNACCS phân luồng 3 và thông quan ngày 19/6/2020. Công chức hải quan đã ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa ngày 18/6/2020.

- Container số hiệu CAIU9394993 theo tờ khai số 103372794820, phân công cán bộ Hải quan kiểm hóa gồm ông Nguyễn Trọng S và ông Nguyễn Hoàng K vào ngày 18/6/2020, được hệ thống VNACCS phân luồng 3 và thông quan ngày 19/6/2020. Công chức hải quan đã ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa ngày 18/6/2020.

Kết quả điều tra, xác minh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn W:

Nguyễn Thế H là người sử dụng giấy giới thiệu của Công ty Đ do Nguyễn Thanh B ký, đến hãng tàu để đóng tiền, nhận lệnh giao hàng liên quan đến vận tải đơn số 024A523648 (container số hiệu WHLU5789192) vào lúc 14 giờ 23 phút ngày 18/06/2020 và vận tải đơn số 024A524385 (container số hiệu CAIU9394993) vào lúc 07 giờ 57 phút ngày 19/06/2020.

Kết quả điều tra, xác minh tại Công ty L2, Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn P và Liên danh và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N2: Xác định số hàng hóa gồm 16.400 đôi vớ hiệu Polo, 27.300 đôi vớ hiệu Lacoste, 7.800 đôi vớ hiệu Crocodile, 18.900 đôi vớ hiệu Adidas, 7.200 đôi vớ hiệu Nike, 259 đôi giày thể thao hiệu N1 và 168 đôi giày thể thao hiệu Adidas, là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

Kết quả kiểm tra máy tính để bàn (CPU) của Công ty Đ: Trên phần mềm khai báo hải quan cài đặt trên máy tính, xác định vào ngày 18/06/2020, Công ty đã tiến hành nhập và truyền 02 tờ khai hải quan nhập khẩu 10337279482/A11 và 103372400020/A11, với thông tin, số lượng hàng hóa như khai báo tại hải quan.

Kết quả xác minh Sở G: Không có dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-745.38 vào ngày 18/6/2020 và ngày 19/6/2020. Không có dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình xe ô tô mang biển

kiểm soát 51C-158.82 vào ngày 18/6/2020, có dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình vào ngày 19/6/2020.

Ngày 31/7/2020, Đội Quản lý thị trường số S1 nhận được Văn bản số JUL2901/BP-GD ngày 29/7/2020 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N2, Văn bản số 177/2020/HG-ADIDAS ngày 15/7/2020 của Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn P và Liên Danh, cùng các Văn bản số BMVN/13072020/145, 146, 148 ngày 13 và ngày 14/7/2020 của Công ty L2, với nội dung xác định đối với số hàng hóa mang nhãn hiệu: Nike, A, P1, L, C do Cơ quan điều tra thu giữ là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

Kết quả thực nghiệm điều tra:

- Đối với container số hiệu WHLU5789192: Chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51C-11888 chở container này vào cảng lúc 8 giờ 35 phút ngày 19/6/2020 và chiếc xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-15882 vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 11 giờ 17 phút cùng ngày. *(Thời gian vào và ra là 02 giờ 42 phút)*

- Đối với container số hiệu CAIU9394993: Chiếc xe đầu kéo biển kiểm soát 51D-11198 chở container này vào cảng lúc 10 giờ 18 phút ngày 19/6/2020 và chiếc xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-74538 vận chuyển container này ra khỏi cảng vào lúc 12 giờ 41 phút cùng ngày. *(Thời gian vào và ra là 02 giờ 23 phút)*.

Nguyễn Thanh B khai: Do muốn giảm thuế nhập khẩu khi nhập hàng hóa thông qua Cảng S Khu vực IV, nên B đã khai báo hàng hóa không đúng thực tế như trên. Do B có quen biết Nguyễn Trọng Sinh T4 khi B còn làm cho Công ty T10, số D L, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên B chủ động liên hệ nhờ S không kiểm tra kỹ hàng hóa và bỏ qua việc công ty khai báo không đúng chủng loại, khối lượng hàng hóa thì S đồng ý, nhưng B phải chịu chi phí 20.000.000 đồng/container. Khi nhập khẩu hàng theo yêu cầu của Huỳnh D thì B có đưa cho Nguyễn Thế H là nhân viên Công ty Đ 40.000.000 đồng để trả tiền chi phí kiểm tra 02 container trên. B giao cho H trực tiếp liên hệ với hãng tàu để nhận chứng từ, thuê mướn xe đầu kéo vận chuyển container, liên hệ cán bộ Hải quan thực hiện các thủ tục kiểm hóa, thông quan đối với 02 tờ khai hải quan nhập khẩu nêu trên.

Nguyễn Thế H khai: Ngày 19/6/2020, H được Nguyễn Thanh B phân công đến Hãng tàu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn W tại B T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy Lệnh Giao hàng. Sau khi mang về Công ty Đ thì B phân công H mang hồ sơ đến I để làm thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa theo 02 tờ khai hải quan số 0337240002 và 0337279482 ngày 18/6/2020, đồng thời B1 đưa cho H 40.000.000 đồng để chi bồi dưỡng cho cán bộ hải quan kiểm hóa. H mang hồ sơ nhập khẩu tới Cảng ICD Phước Long 3, nộp hồ sơ để kiểm hóa và khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày thì cán bộ hải quan là Nguyễn Trọng S và một cán bộ khác đi cùng nhưng H không biết tên, tiến hành kiểm hóa. Sau khi điều độ thực hiện cắt Seal thì H có mở container mang một số thùng hàng xuống

để kiểm tra, nhưng S chỉ nhìn bên ngoài chứ không kiểm tra thực tế bên trong. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì việc kiểm hóa 02 container trên hoàn tất và H đi theo cán bộ hải quan về lại phòng thương vụ chờ lấy phiếu E, lúc này khoảng 11 giờ cùng ngày. H giao phiếu E cho tài xế để lấy container chở đi, còn H thì quay lại cảng vụ tìm gặp Nguyễn Trọng S và đưa 40.000.000 đồng trực tiếp cho S tại khu vực hành lang chính giữa tòa nhà. Sinh nhận tiền xong thì H ra về.

Lưu Kiến H1 (tên thường gọi là Huỳnh D) khai: H1 có quen biết với Nguyễn Thanh B từ năm 2019 và biết Công ty Đ có xuất nhập khẩu hàng hóa, nhưng H1 không nhờ B nhập khẩu hàng hóa. H1 thành lập và đứng tên đại diện pháp luật Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T11, mã số thuế: 0314710226, địa chỉ: G N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề kinh doanh chính là mua bán, kinh doanh loa và linh kiện loa các loại. Hiện Công ty của H1 vẫn đang hoạt động bình thường, H1 có thuê kho tại địa chỉ số A T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để chứa hàng và H1 đã trả kho từ tháng 02/2020.

Võ Minh H4 là tài xế điều khiển ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-15882 kéo rơmooc biển kiểm soát 51R-03784 và Nguyễn Thanh V là tài xế ô tô đầu kéo biển kiểm soát 51C-74538 kéo rơmooc biển kiểm soát 51R-03470 khai: H4 và V được người có tên T5 không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại số 0917721974 thuê chở container từ Cảng ICD P 3 đến kho trên đường T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, với tiền công vận chuyển là 2.400.000 đồng. Ngày 19/06/2020, khi đến nhận container tại Cảng ICD P 3 thì các container trên đã được bấm seal của Công ty Đ. Từ khi vận chuyển container ra khỏi cảng đến khi bị cơ quan chức năng kiểm tra thì xe không dừng, hay ghé bất kỳ địa điểm nào để mở container để lên, xuống hàng hóa. Quá trình vận chuyển thuê thì H4 và V không biết hàng hóa vận chuyển là mặt hàng gì.

Nguyễn Trọng S, Nguyễn Hoàng K và Đinh Ngọc T3 là những cán bộ Hải quan trực tiếp kiểm hóa lô hàng trên khai: Đã tiến hành kiểm hóa toàn bộ 02 container hàng hóa theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

- Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/6/2020, đại diện chủ hàng có tên H4, có yêu cầu kiểm tra thực tế lô hàng trong container số CAIU9394993. Tại Cảng P 3, cán bộ hải quan cùng đại diện chủ hàng đối chiếu số container và số S, thấy đúng thì cho đại diện chủ hàng tiến hành cắt Seal, mở container và xuất trình hàng hóa để kiểm tra. Cán bộ hải quan kiểm tra, đối chiếu thông tin khai báo của doanh nghiệp về tên hàng, mã số hàng hóa, số lượng, xuất xứ trên hàng hóa và bao bì hàng hóa với hàng hóa thực tế kiểm tra, do đại diện chủ hàng xuất trình. Cán bộ hải quan được phân công đã tiến hành kiểm tra đủ 13 mục hàng như đã khai báo của doanh nghiệp trong 372 kiện không đồng nhất, không phát hiện hàng cấm và không phát hiện nghi vấn về sự không phù hợp của hàng hóa thực tế kiểm tra với khai báo của doanh nghiệp, nên đã bàn giao lại hàng hóa cho doanh nghiệp tự quản lý. Kết thúc quá trình kiểm tra vào khoảng sau 12 giờ ngày 19/6/2020.

- Khoảng 8 giờ ngày 19/6/2020, đại diện chủ hàng (tên H4) tiếp tục có yêu cầu kiểm tra thực tế lô hàng trong container số hiệu WHLU5789192. Tại Cảng P 3, cán bộ hải quan cùng đại diện chủ hàng tiến hành kiểm tra hàng hóa tương tự như trên. Đại diện chủ hàng mang hàng từ container ra ngoài và tự tay rạch các kiện hàng xuất trình hàng hóa cho cán bộ hải quan kiểm tra. Hàng hóa kiểm tra được xếp một phần trong container và một phần ngoài container, đã kiểm tra đủ 772 kiện hàng và kết thúc quá trình kiểm tra vào buổi trưa khoảng sau 12 giờ cùng ngày. Sau khi kiểm tra xong, đại diện chủ hàng tự bảo quản hàng hóa, cán bộ hải quan không tiến hành niêm phong, niêm seal lại 02 container nêu trên.

Nguyễn Trọng S, Nguyễn Hoàng K, Đinh Ngọc T3 đều khai không có quen biết, quan hệ gì với Công ty Đ và cũng không quen biết Nguyễn Thanh B. Quá trình kiểm hóa, những người này chỉ làm việc với nhân viên Công ty Đ tên là H4, ngoài ra không tiếp xúc với ai khác. Nguyễn Trọng S khai không có nhận số tiền 40.000.000 đồng của H4 để kiểm hóa số hàng trên như lời khai của H4.

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 30/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 104-38 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp Thành phố định giá đối với hàng hóa vi phạm trong container số hiệu CAIU9394993 và container số hiệu WHLU5789192.

Ngày 16/12/2022, Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 8868/KL-HĐĐGTS kết luận: Giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế là 2.727.536.364 đồng, thuế giá trị gia tăng 10%, tổng giá trị tài sản là 3.000.290.000 đồng. Trong đó, giá trị hàng hóa theo container số hiệu CAIU9394993 là 1.094.740.000 đồng; giá trị hàng hóa theo container số hiệu WHLU5789192 là 1.905.550.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

Toàn bộ hàng hóa vi phạm thu giữ trong container số hiệu CAIU9394993 và container số hiệu WHLU5789192.

Tất cả các vật chứng trên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng, chuyển từ Kho quản lý thị trường số 2 - Cục Q đến Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản, chờ xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 335/CT-VKS-P3 ngày 21/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thanh B về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện những hành vi như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh B khai nhận đã thực hiện những hành vi như Viện kiểm sát đã hệ thống

tại bản Cáo trạng, cụ thể: Ngày 19/6/2020, bị cáo sử dụng pháp nhân Công ty Đ do bị cáo làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật nhập khẩu trái pháp luật 02 container hàng hóa có số hiệu CAIU9394993 và số hiệu WHLU5789192 từ nước ngoài vào Việt Nam qua cửa khẩu Cảng S Khu vực IV. Trị giá hàng hóa nhập khẩu trái pháp luật qua định giá là 3.000.290.000 đồng bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 7 năm đến 8 năm tù, về tội “Buôn lậu”. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa tuyên tịch thu toàn bộ số hàng hóa vi phạm, để sung vào ngân sách nhà nước.

Luận cứ bào chữa và ý kiến tranh luận của Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T2 như sau:

- Về nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị cáo: Tại các biên bản ghi lời khai và các bản khai của bị cáo trong quá trình điều tra, cụ thể tại bút lục 884 và 722 thể hiện từ ngày thành lập Công ty Đ đến ngày xảy ra hành vi phạm tội thì Công ty Đ đã nhập khẩu 77 container, nhưng chỉ có 02 container vi phạm pháp luật, còn 75 container được nhập khẩu và đóng thuế đúng theo quy định của pháp luật. Bị cáo B khai giảm số lượng hàng hóa trong 02 container là do Công ty gặp khó khăn về tài chính và do bị cáo nghĩ rằng nếu khai giảm số lượng ít thì sẽ không sao.

- Ngày 18/6/2020, bị cáo mở 2 tờ khai hải quan để nhập khẩu 02 container số hiệu CAIU9394993 và số hiệu WHLU5789192 từ nước ngoài vào Việt Nam qua cửa khẩu C3, Khu vực IV và cả 2 tờ khai này đều được thông quan hệ thống phân luồng 3. Quá trình kiểm tra, các cán bộ hải quan đều xác nhận hàng hóa được kiểm tra đúng quy định của pháp luật, như vậy hành vi phạm tội của bị cáo cũng từ việc sơ suất, buôn lậu trong việc kiểm tra số lượng hàng hóa của cán bộ hải quan, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yếu tố lỗi của các cán bộ hải quan này để khoan hồng cho bị cáo.

- Theo Cáo trạng và kết luận định giá tài sản thì hàng hóa vi phạm có giá trị 3.000.290.000 đồng, trong đó thuế giá trị gia tăng 10%, tương đương hơn 270 triệu đồng. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả trưng cầu giám định về số tiền thuế phải nộp và Nhà nước cũng chưa thất thoát số tiền thuế VAT này, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không truy thu số tiền này.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Luật sư thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng cho bị cáo 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm

s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề. Bản thân bị cáo B có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công với cách mạng, cụ thể cha của bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, mẹ ruột của bị cáo là giáo viên, tham gia công tác xã hội tại địa phương được Bộ trưởng Bộ G1 tặng kỷ niệm chương vì sức nghiệp giáo dục năm 2009 và Bộ trưởng Bộ Y tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân sự năm 2015. Dì ruột bà Trần Minh T6 được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục năm 2001, cậu ruột được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, ông ngoại vợ của bị cáo là ông Lê Văn M là Liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất năm 1985. Anh vợ của bị cáo là ông Lê Phương K1 là cán bộ ngành y tế được Giám đốc sở y tế tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2017, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phòng chống dịch Covid năm 2022. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn giảm hình phạt bổ sung và miễn giảm số tiền bị cáo phải nộp lại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với luận cứ bào chữa của Luật sư và không trình bày lời bào chữa bổ sung và không tranh luận gì với đại diện của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng và những chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: Ngày 19/6/2020, bị cáo Nguyễn Thanh B sử dụng pháp nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ do bị cáo quản lý, nhập khẩu Container hàng hóa có số hiệu CAIU9394993 và container hàng hóa có số hiệu WHLU5789192, từ Công ty D1 Co. LTD của Trung Quốc vào Việt Nam, qua cửa khẩu Cảng S, Khu vực IV. Số hàng hóa thực tế 02 container mà bị cáo B nhập khẩu là 477.332 đơn vị hàng hóa, nhưng bị cáo B tự làm lại bảng kê hàng hóa và chỉ khai báo có 22.080 đơn vị hàng hóa, cụ thể:

- Tờ khai số 0337240002/A11 (nhập khẩu container số hiệu WHLU5789192), bị cáo khai báo 27 loại hàng hóa được đóng gói trong 772 kiện, với 15.060 đơn vị hàng hóa. Qua kiểm tra thực tế phát hiện có 81 loại hàng hóa, gồm 339.391 đơn vị hàng hóa không khai báo hải quan.

- Tờ khai hải quan số 0337279482/A11 (nhập khẩu container số hiệu CAIU9394993), bị cáo khai báo 13 loại hàng hóa được đóng gói trong 372 kiện, với 7.020 đơn vị hàng. Qua kiểm tra thực tế phát hiện có 45 loại hàng hóa, gồm 137.941 đơn vị hàng hóa, trong đó có 02 máy nghiền đá hiệu HASEGAWA không rõ xuất xứ, đã qua sử dụng, không khai báo hải quan.

Theo Kết luận định giá tài sản số 8868/KL-HĐĐGTS, ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì: Giá trị hàng hóa mà bị cáo Nguyễn Thanh B nhập khẩu chưa bao gồm thuế là 2.727.536.364 đồng, thuế giá trị gia tăng 10%, tổng giá trị tài sản là 3.000.290.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa theo container số hiệu CAIU9394993 là 1.094.740.000 đồng và giá trị hàng hóa theo container số hiệu WHLU5789192 là 1.905.550.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu”, thuộc trường hợp “Vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn, hối hận với hành vi phạm tội đã thực hiện, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo không những giao nộp đầy đủ tài liệu có liên quan đến vụ án do Cơ quan điều tra yêu cầu, mà còn chủ động khai báo những đối tượng đã giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như Lưu Kiến H1 tức Huỳnh D và một số cán bộ hải quan thực hiện việc kiểm hóa. Mặc dù chưa đủ chứng cứ để Cơ quan điều tra xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng mà bị cáo đã khai, nhưng trường hợp này bị cáo cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, cha của bị cáo là cán bộ Cách mạng tiền khởi nghĩa, quá trình tham gia cách mạng đã lập nhiều thành tích, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương; mẹ của bị cáo cũng được ngành Giáo dục và Y tế tặng thưởng Kỷ niệm chương, nên bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về áp dụng hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, nó không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập

khẩu, mà còn gây rối loạn thị trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước. Với tính chất của vụ án như vậy, đáng lẽ phải xử phạt bị cáo mức án trong khung hình phạt được áp dụng, để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay. Nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định tại phần [3] và trong vụ án này bị cáo cũng là người làm công cho Lưu Kiến H1 và người có tên Q1, lợi ích mà bị cáo thu được không nhiều, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho tương xứng với những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.....”. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để tăng cường tính răn đe, giáo dục của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về Biện pháp Tư pháp: Xét số tiền 280.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận của Lưu Kiến H1 và của người có tên Q1 để nhập khẩu 02 container hàng hóa trái pháp luật vào Việt Nam. Số tiền này bị cáo đã đưa cho Nguyễn Thế H 200.000.000 đồng để H trả tiền thuê phương tiện vận chuyển và đóng phí nhập khẩu, đưa cho H 40.000.000 đồng để H giao cho Nguyễn Trọng S là cán bộ Hải quan kiểm hóa để bỏ qua sai phạm, bị cáo còn giữ 40.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không chứng minh được Nguyễn Trọng S đã nhận tiền của Nguyễn Thế H. Như vậy số tiền mà bị cáo đã nhận của Lưu Kiến H1 thì bị cáo đã chi phí hết 200.000.000 đồng, bị cáo còn giữ 40.000.000 đồng và Nguyễn Thế H còn giữ 40.000.000 đồng. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể tuyên tịch thu đối với bị cáo 40.000.000 đồng và tịch thu đối với Nguyễn Thế H 40.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ hàng hóa vi phạm thu giữ trong 02 container số hiệu CAIU9394993 và số hiệu WHLU5789192 là hàng hóa bị cáo nhập khẩu trái phép hiện còn giá trị sử dụng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Nguyễn Thanh B** 07 (B2) năm tù, về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 25/8/2023).

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về Biện pháp Tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Buộc Nguyễn Thế H phải nộp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ vật chứng như sau:

- Hàng hóa là rượu, hương liệu thực phẩm, gel vuốt tóc, gel tắm... xuất xứ K2, C1 và không ghi xuất xứ, số lượng 92.450 đơn vị sản phẩm, chi tiết hàng hóa tại bảng kê số 00017073/BK ngày 22/6/2020 của Đội quản lý thị trường số S1. Toàn bộ hàng hóa chưa qua sử dụng.

- Hàng hóa là máy nghiền đá, máy duỗi tóc, cục P2, tivi ... đơn vị tính là cái, kilogram, chai, xuất xứ PRC và không ghi xuất xứ, chi tiết hàng hóa tại bảng kê số 00017075/BK ngày 24/6/2020 của Đội quản lý thị trường số S1. Số lượng 2.964 đơn vị sản phẩm là hàng hóa chưa qua sử dụng. Riêng máy nghiền đá HASEGAWA là hàng hóa đã qua sử dụng.

(Theo biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ thủ tục hành chính số 00032586 ngày 22/6/2020 và số 00032598 ngày 24/6/2020 của Cục Q – Đội quản lý thị trường số S1)

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/7/2025).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- Tòa phúc thẩm tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (6)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) (8)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

2025HSST41718



09.06.2025 11:11